

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1030/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Đường B, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Bà Lâm Ngọc Anh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Đường B, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2003 ngày 19/6/2003 do Ủy ban nhân dân phường P, thị xã R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì ông Lê Thanh B và bà Lâm Ngọc Anh T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thanh B và bà Lâm Ngọc Anh T; về con chung: Ông B và bà T thỏa thuận giao bà T trực tiếp nuôi bốn con chung Lê Lâm Gia B, sinh ngày 18/11/2003, Lê Lâm Gia H, sinh ngày 18/11/2003, Lê Lâm Gia K, sinh ngày 25/8/2009 và Lê Lâm Gia L, sinh ngày 10/7/2015. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi bốn con chung 20.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên; tài sản chung và nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Lê Thanh B và bà Lâm Ngọc Anh T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về hôn nhân: Ông Lê Thanh B và bà Lâm Ngọc Anh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông B và bà T thỏa thuận giao bà T trực tiếp nuôi bốn con chung Lê Lâm Gia B, sinh ngày 18/11/2003, Lê Lâm Gia H, sinh ngày 18/11/2003, Lê Lâm Gia K, sinh ngày 25/8/2009 và Lê Lâm Gia L, sinh ngày 10/7/2015. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi bốn con chung 20.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông B chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Lê Thanh B và bà Lâm Ngọc Anh T phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Lê Thanh B và bà Lâm Ngọc Anh T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0037297 ngày 19/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
  - VKSND quận Tân Bình;
  - Chi cục THADS quận Tân Bình;
  - Các đương sự; Lưu: VP, hồ sơ;
  - UBND phường P, thị xã R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- (Để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 49, quyền số 01/2003 ngày 19/6/2003 do UBND phường P, thị xã R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp).

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thụy Hồng Châu**